TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** --- Bản án số:28/2017/HNGĐ- ST. Ngày: 13/9/2017. ***"V/v Ly hôn ".***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Bích Nga.**
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Khuôn** - Cán bộ nghỉ hưu.
2. Ông **Bùi Văn Thiệu** - Giáo viên nghỉ hưu.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Nguyễn Xuân Bốn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà **Đinh Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2017/TLST- HNGĐ ngày 18/5/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 43 ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị **Đào Thị D,** sinh năm: 1965.

ĐKHKTT: Khu C, phường T, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 15 đường L, Khu C, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm: 1971.

ĐKHKTT: Khu C, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 15 đường L, Khu C, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương.

Chị D có mặt. Anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 21/4/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/1989 tại UBND xã T (phường T), thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng gần 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không

hợp, chị luôn bị anh L mắng chửi, hành hạ, đánh đập vì con cái còn nhỏ nên chị phải cố gắng chịu đựng. Đến năm 2006 và những năm tiếp theo chị phát hiện anh L không chung thủy với chị nhưng chị không yêu cầu giải quyết việc anh có quan hệ với người phụ nữ khác; chị đã cùng gia đình khuyên ngăn nhưng không có kết quả mà anh luôn gây sự chửi bới, đánh đập chị. Con trai có vợ con cũng không chịu đựng được nên phải ra nhà trọ ở; con gái về ở trong thời gian sinh con cũng không thể ở được trong khi cuộc sống của các con chị rất khó khăn. Việc mâu thuẫn vợ chồng ảnh hưởng nhiều đến chị, các con, trật tự khu dân cư. Nhiều lần chị đã báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng không có kết quả. Để tránh việc anh L dùng bạo lực với chị, chị đã về bên ngoại ở từ tháng 6/2016 đến nay. Quá trình giải quyết anh L cũng nhận thấy tình cảm không còn và đồng ý ly hôn, thời gian gần đây anh L không đồng ý ly hôn, mục đích để gây khó khăn chứ anh L không còn tình cảm với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn L trình bày: chị D khai về điều kiện kết hôn là đúng. Anh thừa nhận trước đây, vợ chồng mâu thuẫn anh có chửi bới, đánh đập, và hành hạ chị D, nhưng hơn 1 năm nay anh không đánh đập chị D nữa vì chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở gần nhà anh.Từ thời gian đó đến nay anh ở một mình, anh không tìm đón và không có biện pháp nào để chị D trở về sống chung với anh, anh không có nghĩa vụ phải nói với chị D. Việc chị D cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến gia đình vợ con là không đúng. Thực tế con trai anh cũng không ở chung với anh, mà thuê nhà trọ trên địa bàn phường T. Chị D cho rằng do anh chửi bới làm ảnh hưởng đến con trai và con dâu vào ban đêm, ảnh hưởng đến sức khỏe là không đúng. Chị D xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm không còn đồng ý ly hôn nhưng sau đó anh thay đổi không đồng ý ly hôn. Ý kiến của anh L, chị D tự đi thì tự về, anh không tìm và cũng không tìm ai để nhờ can thiệp việc vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị D cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về quan hệ con chung:

Chị D và anh L xác định: Vợ chồng có con chung là Trần Văn Th, sinh ngày 24/6/1990 và Trần Thị Ph, sinh ngày 25/7/1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành đã có gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị D, Toà án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh, chị xác định: Cuộc sống của vợ chồng chị D, anh L từ lâu đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc anh L chửi bới, đánh đập chị D gây mất trật tự, ảnh hưởng nhiều đến khu dân cư. Anh chị có con trai, con gái đã có gia đình, có cháu nội, cháu ngoại. Vì mâu thuẫn với bố nên con trai phải đi thuê nhà trọ ở, con gái về trong thời gian nghỉ sinh con cũng xảy ra mâu thuẫn không ở được. Chị D đã về nhà mẹ đẻ ở hơn một năm nay; anh L không tìm cách khắc phục, giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chính quyền địa phương nhiều lần can thiệp nhưng không có kết quả.

Qua xác minh tại địa phương về giấy đăng ký kết hôn của chị D và anh L được cung cấp như sau: Kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1989 tại quyển số 01TP/HT17 của xã T từ số 01ngày 08/01/1989 đến số 18 ngày 12/12/1989 không có tên chị Đào Thị D và anh Trần Văn L. Tiến hành kiểm tra thêm năm 1990 từ số 01 ngày 11/01/1990 đến ngày 20/12/1990 và năm 1991 từ số 01 ngày 01/01/1991 đến 06/4/1991 cũng không có tên chị Đào Thị D và anh Trần Văn L. Việc đương sự xuất trình giấy chứng nhận kết hôn ghi tại quyển số 02 ngày 08/9/1989 mang tên Đào Thị D sinh năm 1970 và anh Trần Văn L sinh năm 1969 (có sự tẩy xóa) là không hợp pháp, như vậy là chưa kết hôn theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay, chị D giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh L, trong buổi công khai chứng cứ chị mới biết việc kết hôn của chị và anh L không thể hiện trong sổ đăng ký kết hôn năm 1989 tại xã T, thị xã Hải Dương nay là phường T, thành phố H. Do thời gian đã lâu chị cũng không nhớ được nên đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật không công nhận chị và anh L là vợ chồng. Anh L đã nhận được quyết định xét xử, giấy triệu tập nhưng phiên tòa ngày 8/9/2017 và hôm nay cũng không có mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L.

Mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ, anh Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương: Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết đã tống đạt các văn bản tố tụng cho nguyên, bị đơn đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án. Xử: Không công nhận chị Đào Thị D và anh Trần Văn L là vợ chồng; Về con chung, tài sản chung không xem xét, giải quyết vì hai bên hiện không có tranh chấp; Về án phí: Chị Đào Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về tố tụng*:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Đào Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn L sinh năm 1971, địa chỉ nơi cư trú Số 15 đường L, Khu C, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, bị đơn anh L đã nhận nhưng không đến phiên tòa ngày 8/9/2017 nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thủ tục giao quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh L đến phiên tòa lần thứ hai, anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn L theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ căn cứ trên có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật.

2.Về xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết**:** Theo lời trình bày của chị D và anh L thì chị Đào Thị D và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Hải Dương nay là phường T, thành phố H vào ngày 8/9/1989. Chị D xin ly hôn anh L và đã nộp giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Tuy nhiên, theo xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H được biết: Đã tiến hành kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1989 có quyển số 01 /TP của xã T, thị xã H từ số 01 ngày 08/01/1989 đến số 18 ngày 12/12/1989 thì không có tên chị Đào Thị D và anh Trần Văn L trong sổ làm thủ tục kết

hôn.Việc đương sự xuất trình giấy chứng nhận kết hôn ghi tại quyển số 02 ngày 08/9/1989 mang tên Đào Thị D sinh năm 1970 và anh Trần Văn L sinh năm 1969 (có sự tẩy xóa) là không hợp pháp, theo chứng minh thư nhân dân chị D sinh năm 1965, anh L sinh năm 1971. Như vậy chị D và anh L chưa làm thủ tục kết hôn theo quy định. Qua đó thấy rằng từ khi thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Nhà nước đã có văn bản hướng dẫn việc đăng ký kết hôn nhưng đến nay hai anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị D và anh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, việc chị D yêu cầu xin được ly hôn anh L, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

2. Về con chung: Chị D và anh L xác định: Vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Th, sinh ngày 24/6/1990 và Trần Thị Ph, sinh ngày 25/7/1992. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung, công sức đóng góp với gia đình**:** Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí : Theo khoản 4 Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận chị Đào Thị D và anh Trần Văn L là vợ chồng;

2. Về án phí*:* Chị D phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AB/2014/0002870 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D vắng mặt anh L. Báo chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường T
(để lưu hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Bích Nga